

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng tháng 5 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền công bố giá vật liệu xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 998/GUQ-SXD ngày 07/5/2024 của Sở Xây dựng về việc điều hành, xử lý công việc;

Trên cơ sở văn bản cung cấp giá vật liệu xây dựng của UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; báo giá vật liệu xây dựng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các đại lý phân phối các cấp trong và ngoài tỉnh; Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 5 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Về nguồn thông tin, xác định giá vật liệu xây dựng

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc cung cấp để công bố tại Phụ lục 1.

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 2.

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 3.

2. Một số nội dung lưu ý khi xác định giá vật liệu xây dựng

a) Về giá vật liệu xây dựng:

- Giá các loại vật liệu xây dựng tại các Phụ lục kèm theo Công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

- Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng.

- Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình theo hướng dẫn tại điểm a mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023.

- Tùy thuộc các điều kiện cụ thể của dự án, công trình liên quan đến yêu cầu về vật liệu xây dựng, các tổ chức và cá nhân lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất đáp ứng các tiêu chí nêu trên khi trình/thẩm định trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

3. Tổ chức thực hiện.

a) Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng, Quản lý nhà và Thị trường bất động sản có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở đăng tải công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ <http://sxd.lamdong.gov.vn/> (mục Kinh tế

VLXD Quản lý nhà TT BĐS/Giá Xây dựng) và gửi kết quả về Bộ Xây dựng, UBND tỉnh để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổng hợp báo cáo đề xuất Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo xử lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây là dự án PPP); đối với các dự án sử dụng vốn khác tham khảo, sử dụng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; khi xác định giá xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ theo từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng phù hợp với yêu cầu thiết kế, điều kiện xây dựng và mặt bằng giá thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có văn bản gửi về Sở Xây dựng hoặc liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0263.3821.469 – Phòng KTVLXDQLN&TTBĐS để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Kho Bạc NN tỉnh Lâm Đồng;
- Các sở : KH&ĐT, TC, GTVT, NN&PTNT, CT;
- UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng;
- Ban QLDA ĐTXD &CTCC các huyện;
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bảo Lộc;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Đà Lạt;
- Ban GD Sở;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải cổng thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Ngọc Phong Hải

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG DO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT VÀ BẢO LỘC CUNG CẤP THÁNG 5 NĂM 2024.
(Kèm theo Văn bản số: 1030/UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vị trí chuyên*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*										
						Đà Lạt	Lạc Dương	Đức Dương	Thị Trảng	Lâm Hà	Đức Hòa	Đi Linh	Bảo Lạc	Bảo Lâm	Đức Hòa	Đức Lộc
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]		[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1	XI MĂNG															
		Xi măng Hà Tiên PCB40	đ tấn				2.280.000	2.280.000	2.290.000	2.250.000	2.400.000	2.280.000	2.198.000	2.260.000		2.020.000
		Xi măng Brang PCB40	đ tấn				2.300.000	2.200.000	2.100.000	2.250.000		2.200.000	2.208.000	2.260.000	1.940.000	1.980.000
		Xi măng Nghi Sơn PCB40	đ tấn				2.280.000	2.260.000	2.200.000	2.200.000		2.460.000	2.200.000			
		Xi măng Phúc Sơn PCB40	đ tấn						2.100.000	2.000.000		2.300.000	2.100.000			
		Xi măng Cẩm Phả PCB40	đ tấn				2.340.000		2.100.000	2.000.000	2.100.000		2.100.000	1.959.600	2.068.000	1.800.000
		Xi măng Công Thành PCB40	đ tấn											2.040.000		
		Xi măng Thăng Long PCB40	đ tấn											1.900.000		

1. TP Đà Lạt báo giá tại cửa hàng: VLXD Thành Tra, địa chỉ: 158 Hai Bà Trưng, điện thoại: 0908 020.206.
2. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trong tỉnh huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Long Giang, thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM DV Thăng Minh số 16 Bialan, thị trấn Lạc Dương. Cửa hàng VLXD Đa Thịnh Hùng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương.
3. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thành, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD TTNT Phước Thọ, DC: 32 Thảng Ninh, Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD TTNT Hân Hiền, DC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa.
4. Huyện Đức Hòa báo giá: DNTN Triều An (SĐT: 02633 984 919); Cửa hàng VLXD Kimch đến 1 xã Rô Mân (SĐT: 0982 779496).
5. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thành số 1086, đường Hùng Vương, Tổ Dân phố 13, thị trấn Di Linh.
6. Thành phố Bảo Lộc báo giá tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường HTLao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thịnh Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc.
7. Huyện Bảo Lâm: Công ty TNHH Hòa Hưng (Địa chỉ: 185 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Bảo Lâm v/ SĐT: 0964.236 666).
8. Huyện Đức Hòa báo giá tại Cửa hàng VLXD Tuấn Thủy đến 1, xã Mạphước. Huyện Cát Tiên báo giá tại:

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*											
						Dà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ Huoai	Đạ Tẻh	Cát Tiên
		Xi măng Sài Gòn PCB40	đ tấn		Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Hoàng Yên, TDP 13, thị trấn Cát Tiên									1,900,000			
II	CÁT XÂY DỰNG																
		Cát xây, M	m ³			580,000	570,000	470,000	550,000	500,000	500,000	480,000	520,000	500,000	350,000	360,000	350,000
		Cát đặc	m ³		TP Đà Lạt báo giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Trà, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại 090 020 206. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thống Minh số 16 Biđup, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Du Thành Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, BC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. Huyện Đam Rông báo giá: DN TN Triều An (SĐT 02633 984.919), Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982 779486). Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Hạnh số 1089, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-VJ Thiên, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lau, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc. Huyện Bảo Lâm báo giá tại Cửa hàng	570,000	470,000	550,000	500,000	450,000	480,000					360,000	
		Cát đen (san lấp)	m ³	- Đơn Dương: giao tới công trình, trong phạm vi < 10km tính từ các cửa hàng trung tâm huyện; Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi <10km từ các cửa hàng trung tâm huyện. Bảo Lộc, Bảo Lâm: trong phạm vi 10km tính từ trung tâm; Đạ Tẻh: giao tại công trình, trong địa bàn huyện < 10km Đạ Huoai: giá tại cửa hàng			300,000					300,000					

[illegible]

ST	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*													
						Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Răng	Dị Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Dạ Ngòi	Dạ Tẻh	Cát Tiên		
		Gạch không nung (5x8x18)cm	viên	Đam Răng: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Đạ Tẻh: báo giá tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai, TDP4D, thị trấn Đạ Tẻh. Huyện Bảo Lâm báo giá bán tại Công ty TNHH Hùng Anh (Địa chỉ: tổ 22, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm).	Huyện Đức Trọng báo giá của: Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thông Nhứt, Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. Huyện Đam Răng báo giá: Công ty TNHH MTV Toàn Tuyết huyện Lắc. Huyện Đạ Tẻh báo giá bán tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai. Huyện Cát Tiên báo giá tại Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Yến, Tổ dân phố 13, thị trấn Cát Tiên.				1,500							1,560			
		Gạch không nung (7,5x7,5x17,5)cm	viên							1,800									
		Gạch không nung (7,5x11,5x17,5)cm	viên							2,200		1,950							
		Gạch không nung (8x8x18cm)	viên					1,850		1,850					1,545			1,705	
		Gạch không nung (8x13x18)cm	viên															2,450	2,230
		Gạch không nung (9x19x39cm)	viên															9,185	7,900
		Gạch không nung (19x19x39cm)	viên																13,600
		Gạch không nung (20x20x40)cm	viên													15,902			
IV	ĐÁ XÂY DỰNG																		
		Đá chẻ	viên	- Đơn Dương: giao tới công trình, trong phạm vi < 10km tính từ các cửa hàng trung tâm huyện. Đam Răng: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Dị Linh: giao tới công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Bảo Lâm: giá tại cửa hàng trung tâm huyện.	TP Đà Lạt báo giá tại Cty TNHH Phúc Cát, địa chỉ: 103/2 Tư Phước, phường 11, điện thoại: 091 874 979. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện. Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Biduop, thị trấn Lạc Dương. Cửa hàng VLXD Du Thịnh Hưng, địa chỉ: thị trấn Lạc Dương. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thông Nhứt, Liên Nghĩa, Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. Huyện Đam Răng báo giá: DNTN Triều An (SĐT: 02633.984.919), Cửa hàng VLXD Khánh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982.779486). Huyện Dị Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thành số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố	7,500	6,800	8,000	8,500	6,250	6,500	5,500	4,000	3,800	3,900				
		Đá 0x4	m ³			550,000		380,000	400,000		310,000	300,000		330,000	330,000				
		Đá mi sàng 0,5x1	m ³																
		Đá hộc (Loka)	m ³					380,000				400,000		320,000					
		Đá 1x2 cm	m ³					620,000	550,000	480,000	470,000	500,000	550,000	470,000	530,000	480,000	400,000	493,000	580,000

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*											
						Bà Lạt	Lạc Dương	Đon Dương	Đức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bản Lân	Dạ huoi	Dự Têh	Cát Tiên
		Thép cuộn Ø6	kg	Lạc Dương: giao tới công trình, trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Đon Dương: giao tới công trình, trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện.	TP Bà Lạt báo giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Trú, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại:0908 020 206. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương, Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Bidaup, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Du Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20,Thị trấn Liên Nghĩa. Huyện Đam Rông báo giá: DN TN Triều An (SĐT:02633.984.919), Cửa hàng VLXD Khauk thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982.779486). Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thành số 1086, đường Hùng Vương, số Dồn phố 15, thị trấn Di Linh. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lo, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc. Huyện Dạ Huoi báo giá tại Cửa hàng Tuyền Thủy thôn , xã Madagudi	17,500	17,000	16,600	17,000	19,650	19,500	16,500	16,700				
		Thép cuộn Ø8	kg			17,500	17,000	16,600	17,000	19,650	19,500	16,500	16,700				
		Thép cây vân Ø10	cây			123,000	122,000	106,000	105,000	113,000	115,000	108,000					
		Thép cây vân Ø12	cây			175,000	172,000	162,000	165,000	175,000	180,000	166,000					
		Thép cây vân Ø14	cây			240,000	236,000	223,000	225,000	238,000	257,000	224,000					
		Thép cây vân Ø16	cây			312,000	309,000	285,000	280,000	306,000	322,000	292,000					
		Thép cây vân Ø18	cây			394,000	391,000	365,000	360,000	387,000	425,000	369,000					
		Thép cây vân Ø20	cây			482,000	482,000	448,000	440,000		515,000	454,000					
		Thép cây vân Ø22	cây														
VI	GỖ XÂY DỰNG																
		Gỗ xẻ làm cột - pha nhóm VII – VIII	m3	Lạc Dương: giao tn công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện Đon Dương: giao tới		6,500,000	5,900,000	6,500,000	6,000,000	5,600,000	5,900,000	6,500,000	6,000,000	6,000,000	4,600,000		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vật chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*											
						Đã Lập	Lọc Dạng	Đơn Dạng	Đặc Trưng	Lưu Hồ	Đơn Rộng	Đi Linh	Bảo Lực	Bảo Lâm	Bộ Inoel	Bộ Tán	Cử Tiên
		Gỗ xẻ lăm cầu điện - trang trí nội thất nhóm 4	m3	công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng; Đơn vị: công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng; Đi Linh: giao tới công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trong thời hạn 1 ngày.	Cửa hàng: VINH LINH PHUOC (HA, DC, 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa, Cầu Ông VLXD&TTNT Hải Hòa, DC 342, Quốc lộ 20,Thị trấn Liên Nghĩa Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Số T: 02633 994 919), Cửa hàng VLXD Khech nằm ở xã Rủ Mèn (Số T: 0982 779486). Đơn vị: Đơn vị giao từ Dự T VLXD Ông Thạch ở 10/6, đường Hùng Vương, số Điện phố 15, thị trấn Di Linh.		6,500,000	6,600,000	7,000,000		6,400,000	6,000,000		6,000,000			
		Gỗ xẻ lăm cầu điện - trang trí nội thất nhóm 3	m3	Đã Lập: tương đương với 10km tính từ trung tâm thành phố. Đã Lập: giá trị của hàng trong kho hàng; Đi Linh: giá trị của hàng.	Thành phố Bảo Lộc: báo giá từ Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-VU Thuận, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B.Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc.			9,200,000	2,000,000		9,200,000	8,700,000					



SỞ PHỤ LỤC 02
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CUNG CẤP THÁNG 3/2024
(Kèm theo Văn bản số: **1030** /CBC-SXD ngày **05** tháng **5** năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
I	GẠCH XÂY										
1	Gạch tuy neon										
I.1	Gạch Tuynef Hiệp Thành										
		Gạch 6 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7,5x11x24)cm	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	2,386
		Gạch góc 21 lỗ	viên		KT (7,5x11x24)cm						3,432
		Gạch 6 lỗ A	viên		KT (5x11x17,5)cm						1,636
		Gạch 6 lỗ B	viên		KT (7,5x11x17,5)cm						1,391
		Gạch 6 lỗ MA	viên		KT (7x 10x17)cm						1,474
		Gạch 4 lỗ A	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						1,145
		Gạch 4 lỗ B	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						973
		Gạch thẻ 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						925
	Gạch Tuynef Thanh Mỹ										
		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7x 10x17)cm	Công ty CP KS và VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xi nghiệp gạch ngói Tuynef Thanh Mỹ, đường Trần Bình Trọng, huyện Đơn Dương, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	1,409
V		Gạch ống 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						1,009

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
2	Gạch không nung										
		Gạch bê tông M7,5	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (175x175x175)mm	Công ty CP Vật liệu xây dựng Gạch không nung Gia Lâm	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại Nhà máy gạch không nung Gia Lâm	Theo báo giá của Cty Cổ phần Vật liệu xây dựng gạch không nung Gia Lâm. Địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	1,600
			viên		KT (37x175x175)mm						1,170
			viên		KT (75x115x175)mm						2,350
			viên		KT (90x190x390)mm						6,800
			viên		KT (190x190x390)mm						13,500
3	Gạch terazo										
	Sản phẩm của Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc									1345678YT	
		Gạch Terazo	m2	TCVN 7744:2013	KT (300x300x30)mm	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện của khách hàng tại Chi nhánh- Thôn 1 xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 1412/AL ngày 14/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH SX TM XD An Lộc (Địa điểm sản xuất: Thôn 1, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0943788788).	86,000
		Gạch Terazo	m2		KT (400x400x30)mm						78,000
4	Gạch terazo, gạch block										
	Sản phẩm của Công ty cổ phần DCN Sài Gòn										
4.1	GẠCH TERRAZZO SÂN, ĐƯỜNG, VÍA HÈ...(CÔNG NGHỆ RUNG ĐỊNH HÌNH + ÉP TÍNH TRUY LỰC)										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Terrazzo đá mài dày 3cm (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	(400x400x30)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vồng được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mắc bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	70,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		85,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		90,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		95,000
									---		95,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		95,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Rong		95,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		85,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		95,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		100,000
		Gạch Terrazzo đá mài dày 3cm (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	(400x400x30)				Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		105,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
1.2	GẠCH CORIC MÀU, BÔNG, MẮC CAO (CÔNG NGHỆ BÙNG LỐT TRONG KHUÔN NHỰA)										
		Gạch Coric bông, mức 250 (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 3cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCM Sài Gòn	Việt Nam	Giá đã bao gồm phí vận chuyển + bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng + xanh. Mức bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		135,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		150,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		170,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		175,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		165,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		180,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		185,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bắc Lâm		190,000
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		150,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Coric bóng, mác 200	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dây 4cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển- bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mắc hệ tổng tăng 10,000/vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nguyễn Đức, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	165,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		185,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		190,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		195,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		195,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		180,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		195,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		200,000
		Gạch Coric bóng, mác 200	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dây 5cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		205,000
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		165,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		180,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		200,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		205,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		210,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		210,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Ceramic bóng, màu 200	m2	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Màu bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN JSC) Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	195,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		210,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		215,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		220,000
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		180,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		195,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		215,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200, dày 6cm	m2	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		220,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		225,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		225,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		210,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		225,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200, dày 6cm	m2	QCVN 16:2019/BXD	Đầy 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		230,000
		Gạch Ceramic bóng, màu 200, dày 6cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh ...	m2		Đầy 6cm (Quy cách theo yêu cầu)				Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		235,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Coric bóng, mác 200, dày 8cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh ...	m ²	QCVN 16:2019/BXD	Dày 8cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	210,000
								Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		225,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		245,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		250,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		255,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		255,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		240,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		255,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		260,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		270,000
		Gạch bê tông Coric số 8, bóng, khuôn nhựa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		18,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		20,000
		Gạch bê tông Coric số 8, bóng, khuôn nhựa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		23,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		24,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông Coric số 8, bóng, khuôn nhựa mức 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	25,000
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	25,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	22,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	25,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	26,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	27,000		
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sỏi, bọt nước mức 250, dày 4cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	30,000	
								Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	32,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	34,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	35,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	36,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	36,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	33,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	36,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	37,000		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sỏi, bọt nước mác 250, dày 4cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC), Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đố, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	38,000
		Gạch vân gỗ ốp, lát, bậc bước cầu thang, đường... M300, dày 4cm, giá vỏ sợi Carbon Fiber	viên		250 x 900 x 40 mm			-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tại cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các mẫu, trừ các mẫu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		65,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		70,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		75,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		79,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		80,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		80,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		73,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		80,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		85,000
			Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		90,000						
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép liên kết góc)	viên	QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm			Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	30,000		
								Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	32,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	35,000		

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép lên kết góc)	viên	QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn			Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	37,000
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	38,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	38,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	33,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh	38,000		
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	40,000		
								Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	42,000		
4.3	GẠCH BLOCK XÂY DỰNG, GẠ CỎ, LÁT MÁI...(CÔNG NGHỆ RUNG ÉP THỦY LỰC)										
		Gạch Block số 8 trống cỏ, gĩa cỏ, lát mái, kê: 2 lỗ, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x190 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tại cầu	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	10,000	
		Gạch Block số 8 trống cỏ, gĩa cỏ, lát mái, kê: 2 lỗ, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x190 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	11,000	
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	13,000	
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	13,500	
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	14,000	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Nguồn xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block sô 8 trong có, giá cổ, lát mái, kích: 2 lỗ, 8 lỗ, nhám	viên	QCVN 16:2019/BXD	260x190 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	14,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		12,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		14,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		15,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		16,000
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mức 75(dây 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mức bề tổng tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		4,800
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		5,500
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		6,800
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		7,100
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		7,200
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mức 75(dây 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		7,200
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		6,500
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		7,200
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mức 75(dây 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		7,500
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		7,700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, nước 75(dày 19cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	190 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoán Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	9.500
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		11.000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		13.500
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		14.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		14.500
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		14.500
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mắc bê tông từng 10.000vnd/đơn vị tính theo mức 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		12.500
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		14.500
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		15.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		15.500
		Gạch Block đặc XD(Gạch đôn, gạch thẻ, gạch đặc) M75	viên	QCVN 16:2019/BXD	40 x 80 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	1.100
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1.300
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		1.450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		1.500

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block đặc XD(Gạch đĩnh, gạch thẻ, gạch đặc) M75	viên	QCVN 16:2019/BXD	40 x 80 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	sản phẩm: số 1688B, xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	1,550
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		1,550
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		1,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		1,550
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		1,650
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		1,700
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 6 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 120 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cẩu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	1,500
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,700
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		2,350
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		2,450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		2,450
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 6 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 120 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		2,250
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		2,450
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		2,600

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		2,700
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 6 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	75 x 115 x 175mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10.000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	1,450
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,650
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		2,200
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		2,350
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		2,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		2,100
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		2,400
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		2,550
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		2,650
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		1,350
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		1,500
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở	1,650

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 4 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 80 x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	1,700
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		1,750
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		1,750
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		1,600
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		1,750
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		1,850
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		1,900
									Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		3,100
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 2 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	100 x 150 x 250mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xã Việt Nghệ Tĩnh, Phường 7, Tp Đà	3,500
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		4,350
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		4,400
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		4,450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		4,450
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		4,250
									Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		4,450

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
								250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	Lai.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	4,600
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		4,800
		Gạch block lục giác rung ép, lát mái dãi, kê, giá cổ taluy(Block nhám, dày 8cm, mức 75)	viên	QCVN 16:2019/BXD	350 x 350 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá tại Nivel sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		10,000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		12,000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		14,000
		Gạch block lục giác rung ép, lát mái dãi, kê, giá cổ taluy(Block nhám, dày 8cm, mức 75)	viên	QCVN 16:2019/BXD	350 x 350 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		15,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		16,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Dam Rông		16,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		13,000
		Gạch block lục giác rung ép, lát mái dãi, kê, giá cổ taluy(Block nhám, dày 8cm, mức 75)	viên	QCVN 16:2019/BXD	350 x 350 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		16,000
									Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		17,000
									Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		18,000
II	ĐÁ XÂY DỰNG CÁC LOẠI										
1	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Gìn Hiệp, huyện Di Linh										
		Dã 0x2,5 (cm)	m ³		(0 - 2,5) cm						336,364

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá 0x 3,75 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0,5 - 3,75) cm	Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát	Việt Nam		Đơn giá đá bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng: tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Khai thác Xây dựng Lộc Đại Phát. Địa chỉ Thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 0942 891115.	309,091
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1 - 2) cm						363,636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2 - 4) cm						363,636
		Đá 5x7 (cm)	m ³		(5 - 7) cm						281,818
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0,5 - 4) cm						281,818
		Mì Bột	m ³		(0 - 0,5) cm						281,818
		Mì Sàng	m ³		(0,5 - 1) cm						281,818
2	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Tín Thái	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tín Thái. Địa chỉ: Mỏ đá thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 0913 934 305	336,364
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						281,818
		Đá 2x4	m ³		(2x4)						318,182
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						281,818
		Đá 0x2,5	m ³		(0x2,5)						309,091
		Đá 0,5 x1cm	m ³		(0,5 x1)						254,545
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						281,818
		Đá 5x7	m ³		(5x7)						281,818
		Đá mi	m ³		Đá mi						236,364
		Đá loca	m ³		Đá loca						254,545
3	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm.										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài	Việt Nam				327,273	
		Đá 0x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài			Giá tại mỏ được xác lớn xe cho bên mua tại địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng (cách ngã ba Tân Lâm 2km, cách UBND Huyện Di Linh 22km, UBND Huyện Bảo Lâm 20km)	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài. Địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0979404805, liên hệ: Anh Duy.	236,364	
		Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(4x6)						272,727	
4	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng											
		Đá 1x1,5 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,5) cm	Công ty TNHH Dương Phát	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH Dương Phát (Đ/c: 06B Nguyễn Đình Quân, P5, tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.	390,909	
		Đá 1x1,8 (cm)	m ³		(1x1,8) cm							390,909
		Đá 1x1,9 (cm)	m ³		(1x1,9) cm							390,909
		Đá 1x2 (cm)	m ³		(1x2) cm							363,636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2x4) cm							345,455
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³		(0x2,5) cm							336,364
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0x4) cm							309,091
		Đá 0x6 (cm)	m ³		(0x6) cm							309,091
		Đá mi sàng (0,5x1)	m ³		(0,5x1)							281,818
		Đá mi bụi	m ³		Đá mi bụi							263,636
		Đá Loka	m ³		Đá Loka							281,818
5	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng											

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Quốc Định	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã N'Thôn Hạ, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2024 của Công ty TNHH Quốc Định (Địa chỉ: số 515, QL20, KP 4, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng).	318,182
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						263,636
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						254,545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						290,909
		Đá Local	m ³		Đá Local						245,455
6	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
	Đá xây dựng thông thường					Công ty Cổ phần Tân Anh Tú	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tú. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						345,455
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						345,455
		Đá dăm 1x2	m ³		(1x2)						327,273
		Đá dăm 2x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(2x4)	Công ty Cổ phần Tân Anh Tú	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tú. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	272,727
		Đá dăm 4x6 và 5x7	m ²		(4x6) và (5x7)						236,364
		Đá dăm Dmax 25	m ²		Dmax 25						254,545
		Đá dăm Dmax 35	m ³		Dmax 35						245,455
		Đá dăm Dmax 37,5	m ³		Dmax 37,5						236,364
		Đá dăm 0x4	m ³		(0x4)						227,273
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						254,545
		Đá mi xô	m ³		Đá mi xô						209,091
	Đá qua cầu ly tâm										

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						390,909
		Đá dăm 1x1,0	m ³		(1x1,0)						390,000
		Đá dăm 10x22	m ³		(10x22)						372,727
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						309,091
7	Sân phẩm đá xây dựng tại Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Báo Lộc										
		Đá dăm 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Báo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 11/TB-DN ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng. Địa chỉ: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP Báo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 036232.242.114.	318,182
		Đá dăm 2x4	m ³	m	(2x4)						254,545
		Đá dăm cấp phối 0,1x4	m ³	m	(0,1x4)						218,182
		Đá dăm cấp phối 0,1x2,5	m ³	m	(0,1x2,5)						240,909
		Đá dăm 4x7	m ³	m	(4x7)						227,272
		Đá loca	m ³	m	Đá loca						200,000
8	Sân phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Ngọc Bình	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	Theo bảng đơn giá các loại sản phẩm ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Ngọc Bình (Đ/c: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng). ĐT: 0585.809.999.	409,091
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						354,545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						372,727
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						300,000
III	CÁT XÂY DỰNG										
I	Sân phẩm cát tại mỏ khai thác sông Ea Krông nô, xã Đa R'Sai, huyện Đam Rông									Theo thông báo giá vật liệu xây dựng kèm Bảng đơn giá	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Tuấn Vượng 68	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: sông Ea Krông Nô, xã Đa R'Sal, huyện Đam Rông	các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng từ ngày 01/5/2024 đến hết ngày 30/5/2024 của Công ty TNHH Tuấn Vượng 68. Địa chỉ số 72 QL 27, thôn Phi Cò, xã Đa K'Sal, Đam Rông, Lâm Đồng. ĐT 0943.256.999	245,000
		Cát tô	m ³	QCVN 16:2019/BXD							280,000
		Cát sỏi	m ³	QCVN 16:2019/BXD							170,000
2	Sản phẩm cát khai thác tại lòng hồ Đa Têh, xã Mỹ Đức.										
		Cát xây	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Phương Hùng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại lòng hồ Đa Têh xã Mỹ Đức, chưa bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình	Theo bảng báo giá vật liệu ngày 27/01/2024 của Công ty TNHH Phương Hùng. Địa chỉ: thôn 4, Xã Đa Kho, huyện Đa Têh, điện thoại: 02 633 800294	222,727
IV	BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG										
1	Sản phẩm của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng										
1.1	Trạm trộn Tam Bồ - Di Linh					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam		Đơn giá tại mỏ đá Hùng Vương, thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng. Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng. Điện thoại: 0919.706.065.	
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin							1,565,000
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin							1,610,000
1.2	Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam		Đơn giá tại mỏ đá Phúc Thọ, thôn Phúc Thọ, xã Tân Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đơn giá chưa gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng. Điện thoại: 0919.706.065.	
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin							1,615,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C 17.5	đồng/lần	Không có thông tin							1,660,000
V	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM										
	Sản phẩm của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng										
I.1	Khu vực Đà Lạt và Huyện Lạc Dương										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quán-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.	Theo công văn báo giá số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phú Đồng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888.	1,463,636
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,509,091
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,554,545
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,600,000
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,654,545
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,745,455
		Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m ³								1,854,545
I.2	Khu vực Huyện và thành phố Bảo Lộc										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam			Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm trộn Tây Đại Lào...) đến công trình trong bán kính 10km	Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai	1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,363,636
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,427,273

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Chú chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,540,909
1.3	Khu vực huyện Đức Trọng, Di Linh, N' Thôn Hạ										
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thoi Hạ, Trạm Tam Bó...) đến công trình trong bán kính 10km	*Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Dam Rông, Di Linh, Lâm Hà	1,227,273
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,272,727
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1,318,182
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³			1,363,636					
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³			1,427,273					
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³			1,540,909					
VI	CẦU KIẾN BÊ TÔNG ĐÚC SÀN										
1	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên										
		Ông công ty tấm									
		Ông công Ø 800 dày 80mm- VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	1,440,000
		Ông công Ø 800 dày 80mm- H10, L=3m	mét								1,580,000
		Ông công Ø 800 dày 80mm- H30, L=3m	mét								1,690,000
		Ông công Ø 1000 dày 90mm- VH, L=3m	mét								2,030,000
		Ông công Ø 1000 dày 90mm- H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							2,170,000
		Ông công Ø 1000 dày 90mm- H30, L=3m	mét								2,280,000
		Ông công Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét								2,910,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông cống Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	3,190,000
		Ông cống Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							3,400,000
		Ông cống Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét								4,300,000
		Ông cống Ø 1500 dày 130mm-H10, L=2,5m	mét								4,650,000
		Ông cống Ø 1500 dày 130mm-H30, L=2,5m	mét								4,850,000
2	Sản phẩm của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương										
		Cống rung ép									
		Ông cống BT rung ép Ø400 - VH, L=2,6m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2: CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903 195 165.	413,000
		Ông cống BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								425,000
		Ông cống BT rung ép Ø400 - H30, L=2,6m	mét								435,000
		Ông cống BT rung ép Ø600 VH, L=3m	mét								630,000
		Ông cống BT rung ép Ø600 - H10, L=3m	mét								655,000
		Ông cống BT rung ép Ø600 - H30, L=3m	mét								700,000
		Ông cống BT rung ép Ø800 - VH, L=3m	mét								980,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ông công BT rung ép Ø800 - H10, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hàng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2: CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903 195 165.	1,040,000
		Ông công BT rung ép Ø800 - H30, L=3m	mét								1,080,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - VH, L=3m	mét								1,465,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - H10, L=3m	mét								1,565,000
		Ông công BT rung ép Ø1000 - H30, L=3m	mét								1,595,000
		Ông công BT rung ép Ø1200 - VH, L=2m	mét								2,310,000
		Ông công BT rung ép Ø1200 - H10, L=2m	mét								2,435,000
		Ông công BT rung ép Ø1200 - H30, L=2m	mét	TCVN 9113:2012							2,490,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - VH, L=2m	mét								3,010,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - H10, L=2m	mét								3,380,000
		Ông công BT rung ép Ø1500 - H30, L=2m	mét								3,430,000
		Công ty tấm									
		Ông công BT ly tâm Ø600 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				700,000
		Ông công BT ly tâm Ø600 - H30, L=4m	mét								750,000
		Ông công BT ly tâm Ø800 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX2: Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		1,140,000
		Ông công BT ly tâm Ø800 - H30, L=4m	mét								1,170,000
		Ông công BT ly tâm Ø1000 - H10, L=4m	mét								1,610,000
		Ông công BT ly tâm Ø1000 - H30, L=4m	mét								1,650,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Gối công và Joint cao su									
		Gối công D400	Cái	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bé tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lắp xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bé tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Yên, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phò Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2: CNII Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994.995 hoặc 0903 193 165.	140,000
		Gối công D600	Cái								200,000
		Gối công D800	Cái								262,000
		Gối công D1000	Cái								370,000
		Gối công D1200	Cái								500,000
		Gối công D1500	Cái								615,000
		Joint công D400	Sợi								45,000
		Joint công D600	Sợi								60,000
		Joint công D800	Sợi								70,000
		Joint công D1000	Sợi								90,000
		Joint công D1200	Sợi								130,000
		Joint công D1500	Sợi								135,000

[illegible]

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
1		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME									
		GẠCH LÁT NỀN CÁC LOẠI									
		Gạch Ceramic, nhóm B1b									
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x25cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam			Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền- 0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, bảng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày 02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn.Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0908 950589	99,510
		Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²		KT: 30x30cm						252,520
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						101,650
		Gạch Porcelain , nhóm B1b									
		Gạch porcelain giả gỗ, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						202,230
		Gạch porcelain không mài cạnh	m ²		KT: 10x30cm						263,220
		Gạch bán sứ mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						160,500
		Gạch Porcelain , nhóm B1a									
		Gạch porcelain men bóng,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 60x60cm						242,890
		Gạch porcelain cao cấp men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						273,920
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x90cm						374,500
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x90cm						374,500
		Gạch porcelain men mờ,mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						304,950
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x90cm						385,200
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x80cm						315,650
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x60cm						294,250
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x120cm						620,600
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x120cm						952,300

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*					
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x80cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam		Giá theo khu vực tỉnh Lâm Đồng		349,890					
		Gạch Ceramic xương trắng, nhóm BII														
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x45cm											133,750
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 40x80cm											273,920
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x30cm											199,020
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 25x40cm											99,510
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm											194,740
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb														
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm											98,440
		Gạch ceramic men bóng,không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm											156,220
		Gạch ceramic men bóng, khuôn di hình,không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm											211,860
		Gạch Ceramic mài cạnh, nhóm BIIa														
		Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 50x50cm											123,050
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm											112,350
		Gạch ceramic xương đỏ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm											141,240
		Gạch ceramic in KTS mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm											109,140
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa														
		Gạch ceramic sản vườn, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm											114,490
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm											104,860
		Gạch Ceramic xương đỏ mài cạnh, nhóm BIII														
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x45cm											124,120

STT	Nhóm vật liệu ²	Tên vật liệu, loại vật liệu ⁴	Đơn vị ⁴	Tiêu chuẩn kỹ thuật ⁵	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển ⁶	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng) ⁷
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						145,520
III	NHÓM SƠN, BỘT TRÉT TƯỜNG										
I		Sản phẩm của Công ty TNHH KOVA NANOPRO									
		Sơn nội thất									
		Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						1,285,364
		Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)						1,411,000
		Sơn nội thất KOVA Lovely	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						1,161,000
		Sơn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)						1,695,273
		Sơn ngoại thất									
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)						2,662,818
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-118	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						2,035,273
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						4,117,000
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						2,279,636
		Bột trét									
		+ Nội thất									
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						330,091
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						308,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
3		Sản phẩm của Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam									
		King Putty Bột trét cao cấp nội- ngoại thất	Bao	QCVN 16:2019/BXD	40kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam			Giá trên áp dụng cho tất cả huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng, đã bao gồm chi phí vận chuyển và chưa thuế VAT 8%	455,000
		KingPrimer	Thùng		18 Lít						3,152,000
		KingPrimer	Lon		5 Lít						911,000
		KingPlast base A	Thùng		18 Lít						3,928,000
		KingPlast base A	Lon		5 Lít						1,069,000
		KingPlast base B	Thùng		18 Lít						3,731,000
		KingPlast base B	Lon		5 Lít						1,017,000
		KingSon FAMI Int base A	Thùng		18 Lít						1,030,000
		KingSon FAMI Int base A	Lon		5 Lít						335,000
		KingSon CLEAN base A	Thùng		18 Lít						2,120,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		5 Lít						634,000
		KingSon CLEAN base A	Lon		1 Lít						157,000
		KingSon CLEAN base B	Thùng		18 Lít						1,982,000
		KingSon CLEAN base B	Lon		5 Lít						594,000
		KingSon CLEAN base B	Lon		1 Lít						137,000
		KingSon SILK base A	Thùng		18 Lít						3,827,000
		KingSon SILK base A	Lon		5 Lít						1,168,000
		KingSon SILK base B	Thùng		18 Lít						3,650,000
		KingSon SILK base B	Lon		5 Lít						1,109,000
		KingSon SILK base C	Thùng		18 Lít						3,569,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		KingSon SILK base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit	Công ty TNHH Sơn Kingson Việt Nam	Việt Nam				1.069,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1.309,000
		KingSon INFINITY Int base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						295,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1.247,000
		KingSon INFINITY Int base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						275,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						1.229,000
		KingSon INFINITY Int base C	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						256,000
		KingSon FAMI Ext base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2.318,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						691,000
		KingSon FAMI Ext base A	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						176,000
		KingSon FAMI Ext base B	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						2.200,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	5 Lit						652,000
		KingSon FAMI Ext base B	Lon	QCVN 16:2019/BXD	1 Lit						157,000
		KingSon FINEST base A	Thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 Lit						4.484,000
4		Sản phẩm của Công ty CP Sơn Đồng Nai									
		Bột trét trong nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam	Mức giá trên áp dụng đối với các màu cơ bản, đối với một số màu đặc biệt vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh để được hỗ trợ	Mức giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các Cửa hàng. Đại lý của DONASA trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Công ty CP Sơn Đồng Nai. Địa chỉ: đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3931.355. Công văn số 75/2023/CV-SDN ngày 20/10/2023.	5,500
		Bột trét ngoài nhà DONASA Lucky	Kg	TCVN7239:2014							6,500
		Bột trét trong nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							6,000
		Bột trét ngoài nhà DONASA	Kg	TCVN7239:2014							7,500
		Sơn lót chống kiềm trong - ngoài nhà DONASA Anti Alkali	Lit	QCVN 08:2020/BCT							64,000
		Sơn nước trong nhà DONASA SuperCoat	Lit	QCVN 16:2019/BXD QCVN 16:2019/BCT							63,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Sơn nước ngoài nhà DONASA FlintCoat	Lít	QCVN 18:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT		Công ty CP Sơn Đồng Nai	Việt Nam				89,000
		Sơn nước cao cấp DONASA Hitech Plus	Lít	QCVN 18:2019/BXD QCVN 08:2020/BCT							175,000
		Sơn lót chống rỉ DONASA (màu đỏ, màu xám)	Kg	QCVN 08:2020/BCT							67,000
		Sơn dầu phủ DONASA	Kg	QCVN 08:2020/BCT							97,000
		Sơn kèm DONASA 2 trong 1	Lít	QCVN 08:2020/BCT							124,000
5		Sản phẩm của Công ty CP L.Q JOTON									
		Sơn giao thông									
		Sơn giao thông lót- JOLINE Primer	Kg	TCVN 2102:2008	04kg/lon 16kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam				105,455
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JEPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						30,864
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JEPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						32,585
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JZPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						24,300
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang (JZPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						25,650
		Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao						43,200
		Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao						45,600
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						170,909
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						212,727
		Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear : 3,9Kg và Hạt phản quang: 1,1Kg)-JOWAY PLUS	Kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ						237,273
		Hạt phản quang- GLASS BEAD	Kg	BS 6088A	25kg/bao						28,182
		Jotuner Joway-TN400	Lít	TCVN 8787:2011	05lít/lon 01lít/lon						96,364

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Sơn Epoxy									
		Sơn lót Epoxy gốc dầu- JONES® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5551:2018	04kg/bộ 20kg/hộ	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam				199,091
		Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà) - JONA® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5659:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						463,630
		Sơn lót Epoxy gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						207,273
		Mạc gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	20kg/bộ						82,727
		Sơn phủ Epoxy gốc nước - JONA® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	6,5kg/bộ 19,5kg/bộ						306,364
		Sơn dân dụng dự án									
		Sơn phủ ngoại thất (LOTUS)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lit/thùng	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam		Mức giá đã bao gồm phí giao hàng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bằng giá có giá trị từ ngày 01/3/2024 và sẽ có thay đổi khi có thông báo khác	Công ty CP L.Q JOTON. Địa chỉ: 188 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhật, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0823 8461970. Công văn số 11-04-24/BĐG- SXĐ-ĐA ngày 01/04/2024	4,295,000
		Sơn lót ngoại thất (PROS dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQ/IT	18lit/thùng						2,130,273
		Bột trét (PASSION EXT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao						445,455
		Sơn phủ nội thất (PEACE)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lit/thùng						2,084,000
		Sơn lót nội thất (PROSIN dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQ/IT	18lit/thùng						1,332,636
		Bột trét (PASSION INT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao						336,364
6		Sản phẩm của Công ty CP Lavis Brother Coating									
		Sơn phủ nội thất									
		Lavison Amsterdam Sammy * Màng sơn mịn đẹp, chịu mài rửa, bền màu.	THÙNG 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 5 lít, 17 lít - Ngoại quan: Theo bảng màu có sẵn trong hệ thống phân phối của Lavison (Đóng gói sản phẩm nội thất) - Hàm lượng rắn: 54,5 ± 4% khối lượng						1,408,500

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Sammy Eco Matt - SCI	Thùng 23KG	QCVN 16:2019/BXD	- Quy cách đóng gói: 23KG - Màu: theo bảng màu có sẵn trong hệ thống pha màu của Lavisson (Đồng sản phẩm nội thất) - Khối lượng: 56.5 ± 4%	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin	16AVSIP II-A, đường Hòa Bình, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Liên hệ: nhân viên phụ trách: Trần Thị Kiều Trinh, điện thoại: 0374556875 .Mức giá áp dụng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá được thực hiện từ ngày 01/3/2024, theo công văn số 2003/2024/LCB ngày 20/3/2024 của Công ty	765,000
		Sơn phủ ngoại thất									
		Sammy Eco Tex	THÙNG 23KG	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 6 KG, 23 KG. - Ngoại quan: Theo bảng màu có sẵn trong hệ thống pha màu của Lavisson - Hàm lượng rắn: 54,15 ± 4 % khối lượng						1,827,000
		Lavisson Amsterdam Tex Extra * Màng sơn mịn - độ phủ cao	THÙNG 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Màu sắc: Theo bảng màu công ty LAVIS cung cấp - Tỷ trọng: 1.41 g/ml ± 0.1 - Hàm lượng rắn: 53 ± 4 % khối lượng - Quy cách đóng gói: 1 lít, 5 lít và 17 lít						1,984,500
		Sơn lót chống kiềm									
		Sammy Eco Sealer Sơn lót chống kiềm trong nhà	Thùng 23kg	TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 6kg, 23 kg - Ngoại qua: trắng - Hàm lượng rắn: 49,1 ± 4% khối lượng rắn	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam				1,809,000
		Lavisson Amsterdam Fix Sơn lót chống kiềm ngoài trời cao cấp	Thùng 17L	TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 5 lít, 17 lít - Ngoại quan: Trắng - Hàm lượng rắn: 45 ± 4% khối lượng	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam				2,651,400
		Bột bả									
		Lavisson Amsterdam Exterior Putty - LA502	BAO 40KG	TCVN 7239:2014	- Quy cách đóng gói: 40 Kg. - Ngoại quan: Màu trắng.						360,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Lavissan Amsterdam Exterior Putty - LA503	BAO 40KG	TCVN 7239:2014	- Hàm lượng rắn: 100 ± 2 % thể tích. *1 học tiêu chuẩn ISO 3233:1998(E) *Độ bền dính: - 23N/cm²	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating. Địa chỉ: 16A VSIP II-A, đường Hòa Bình, Khu Công nghiệp Việt Nam, Kincoway II & phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Liên hệ: nhân viên phụ trách: Trần Thị Kiều Trinh, điện thoại: 0374556875. Mức giá áp dụng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá được thực hiện từ ngày 01/3/2024, theo công văn số 2003/2024/LCB ngày 20/3/2024 của Công ty	315,000
		Các loại khác									
		Lavissan Amsterdam CTHA Chối chống thấm gốc xi măng * Khả năng chống thấm tường, sàn boen dẻo	Thùng 17L	QCVN 16:2019/BXD	- Quy cách đóng gói: 1 lít, 5 lít, 17 lít - Màu: trắng - Khối lượng: 48 ± 4%						2.778,300
		Cooling Shield - Sơn chống nóng cao cấp	Thùng 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Bề mặt: Mỡ - Màu sắc: Trắng - Tỷ trọng: 1,05 g/ml ± 0,1 - Hàm lượng rắn: 60 ± 1 % khối lượng - Quy cách đóng gói: 5 Lit và 17 Lit						2.970,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu xám	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2011	- Quy cách đóng gói: Bộ 20 kg (phần A: phần B = 15,8 kg: 4,2 kg).						7.785,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu trắng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2012	- Tỷ lệ pha trộn:						8.460,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu vàng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2013	- Phần A : Phần B = 1 kg : 0,26 kg (theo khối lượng).						8.460,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 3K hệ lila - Màu đỏ	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Phần B : Phần A = 1 kg : 3,8 kg (theo khối lượng).						8.820,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 4K hệ lila - Màu xanh	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Tỷ trọng: 1,2 - 1,3 g/ml (tùy theo màu sắc).						8.730,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu xanh	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014							8.235,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu xám	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Quy cách đóng gói: Bộ 20 kg (phần A: phần B = 15,8 kg: 4,2 kg).	Công ty CP Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		7.290,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lila - Màu vàng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Tỷ lệ pha trộn: Phần A: Phần B=1kg :0,26kg (theo khối lượng)						7.920,000
		Sơn Epoxy hệ lila - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 3K hệ lila - Màu đỏ	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Phần B : Phần A = 1 kg : 3,8 kg (theo khối lượng). Tỷ trọng: 1,2-1,3 g/ml (tùy theo màu sắc)						8.370,000

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
1		Sản phẩm của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex									
		Nhựa đường 60/70 - xá	đ/kg	TCVN 7493:2005		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu		Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex (Thị trấn 5, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P. Lê Lợi, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, ĐT: 02856 3893206. Bảo giá Nhựa đường Petrolimex ngày 15/4/2024 kèm công văn số 052/2024/BG-NĐ.BĐ.KD. Giá bán có hiệu lực từ ngày 01/4/2024 đến khi có thông báo giá mới.	13,700
		Nhựa đường 60/70 - Phuy	đ/kg	TCVN 7493:2005			Nhập khẩu - đóng phuy tại Việt Nam				15,600
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011			Nhà máy nhựa đường Petrolimex				12,700
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex			Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		14,200
		Nhũ tương gốc Axit 60% - Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							13,200
		Nhựa đường lòng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							21,000
2		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai									
		CarboncorAsphalt- CA 9.5,CA6.7 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2014/TCDB VN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				3,805,000
		CarboncorAsphalt- CA 12.5 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS10:2019/CARB ONVN					Giá chưa có thuế, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy Đồng Nai đến trung tâm TP Đà Lạt. Ngoài địa điểm trên, mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 đồng/tấn	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai. Văn Phòng giao dịch: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng Ngân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện Thoại: 024.37958528/09.366.1735. Nhà máy 2: Số 2, đường số 1 KCN Thành Phú, xã Thành Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Mức giá áp dụng từ Tháng 1 năm 2024. Hàng tháng, nếu có thay đổi Công ty sẽ	3,805,000
		CarboncorAsphalt- CA 19 (Bê tông nhựa rỗng) (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2019/CARB ONVN							3,065,000
		Nhũ tương kẽm thẩm bảm	kg	TCVN 13506:2022		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				23,100

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Nhũ tương kiểm định bầm	kg	TCVN 13506:2022					giá vận chuyển đến cần công trình	gửi tờ trình đề xin đề nghị được điều chỉnh.	19,250
V	ĐÈN, ĐÈN TRANG TRÍ, ĐÈN CHIẾU SÁNG, THIẾT BỊ ĐIỆN										
I		Sản phẩm của CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát									
		ĐÈN LED									
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bán (tỉnh Lâm Đồng)	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/BQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	4,425,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								5,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,375,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,400,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9,150,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ	9,450,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá báo (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61347-1:2015 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đúc Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/TNQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	9,760,000
		Đèn đường Led Nikkon S133 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10,650,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								11,250,000
		Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,225,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								5,520,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6,560,000
		Đèn đường Led Nikkon MIRA 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								7,600,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8,800,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10,400,000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led Nikkon MURA 185W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		14,320,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 30W Malaysia	1 bộ								13,600,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 40W Malaysia	1 bộ								14,450,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 50W Malaysia	1 bộ								15,750,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-60W Malaysia	1 bộ								20,250,000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365- 80W Malaysia	1 bộ								24,750,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S3-100W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								11,925,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S3-150W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								13,425,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S3-200W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								14,925,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S5-250W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								20,250,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S5-300W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ								21,750,000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI-S5-350W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát,Địa chỉ: số 17 Đường số 11, Khu phố 1	23,250,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vật chuyên*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG									
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	1 bộ	SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: - Chip LED - LM80 * Bộ nguồn Driver : CE, EN 55015, EN61000, EN61547 * Bộ Đèn : LM 79, EN60598-1, EN60598-2-3, EN62471, EN 62493, EN 61000-1, EN 61547		Công ty TNHH SX-TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Thông số kỹ thuật chi tiết: P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức, .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	11,670,000
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								14,100,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								3,900,000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D300 - Taiwan	1 bộ								4,200,000
		Đèn THGT nhắc lại D100 - Taiwan	1 bộ								6,600,000
		Đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								8,550,000
		Đèn THGT đèn lồi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								13,350,000
		Đèn THGT đèn lồi vuông 825x520 - Taiwan	1 bộ			Công ty TNHH SX-TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia				23,700,000
		Tủ điều khiển THGT 2 pha	1 bộ								33,800,000
		Dù che tủ điều khiển	1 bộ								9,700,000
		Trụ đỡ tủ điều khiển + cầu đấu	1 bộ								3,750,000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam									
		Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds, 7200lm, IP66, IK09. Tiết kiệm công suất 3 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100					CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa	10,065,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 16led>=10800lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	chi: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới,	11,000,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 32leds>=13500lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 702x314x130						12,500,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 48 leds>=17400lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam				13,500,000
		Đèn LE-TITAN PRO 150W, 64 leds>=21000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130						14,500,000
		Đèn LE-TITAN PRO 205W, 96 leds, 25000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 842*340*140						16,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-INDI ECO 60W, 7200lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 500x177x86	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam			Giá bán gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		7,500,000
		Đèn LE-INDI ECO 80W, 10000lm, IP66, IK09, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,200,000
		Đèn LE-INDI MIDI 100W, 12000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89						8,800,000
		Đèn LE-INDI MIOI 120W, 15000lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94						9,300,000
		Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 18750lm, IP66, IK08, Tiết kiệm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC. Có cổng 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94						9,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-INDI PRO 180W, 168 leds, 22500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						11,500,000
		Đèn LE-INOI PRO 200W, 25000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 800x318x91						12,500,000
		Đèn LE-INDI PRO 220W, 27500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu Âu ENEC, Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91						13,000,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MID1 60W, tấm năng lượng 18V/80W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 10000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1352*373*107						24,000,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MID1 80W, tấm năng lượng 18V/110W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 11000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	Công ty TNHH			Giá bao gồm cấp phí lắp đặt, giá đã bao gồm chi phí vận		29,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 100W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK09, Pin LiFePO4 25,6V/24AH, 13000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107	Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		chuyển đèn chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		36,200,000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 120W, tấm năng lượng 36V/100W, IP 66, IK08, Pin LiFePO4 25,6V/30AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107						37,350,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 60W, 30leds, 4200lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 12V/30Ah, 360Wh, tấm năng lượng mặt trời 18V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 690*265*130. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*30						15,700,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 80W, 80leds, 1000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						19,750,000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 100W, 100leds, 11000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đèn chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		20,350,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*	
		Đèn LED-SOLAR INDI MID1 120W, 120leds, 15600lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thắp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35						22.350,000	
3		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)										
		Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:										
		VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	đ/m	TCVN 6610-3		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, điện thoại 028 38299443. Kèm công văn số 1544-CV/ CADIVI ngày 8/3/2024 thay đổi gói bán sản phẩm từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 thông tại liên hệ: A Thu Khôi Kinh Doanh Tiếp Thị (091 7 854 909) Email: kinhdoanh@cadivi.vn	2.250	
		VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	đ/m								3.730	
		Dây điện bọc nhựa PVC-0,6/1kV (ruột đồng):										
		VCmd-2x0,5-(2x16/0,2)-0,6/1kV	đ/m	TCAS/NZS 5000.1		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin		4.260	
		VCcmd-2x0,75-(2x24/0,2)-0,6/1kV	đ/m								6.020	
		VCcmd-2x1-(2x32/0,2)-0,6/1kV	đ/m								7.710	
		VCcmd-2x1,5-(2x30/0,25)-0,6/1kV	đ/m								10.900	
		VCcmd-2x1,5-(2x50/0,25)-0,6/1kV	đ/m								17.820	
		Dây điện mềm bọc nhựa PVC-300/500V (ruột đồng):										
		VCcmd-2x1-(2x32/0,2)-300/500V	đ/m									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		VCMo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	đ/m	TCVN 6610-5		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam				17,480
		Vcmo-2x6-(2x7x12/0.30)-300/500V	đ/m								45,420
		<i>Ông luôn dây điện:</i>									
		Ông luôn tròn F16 dài 2,9m	đ/ống	BSEN 61386-21;BS4607;TCVN 7417-21							20,420
		Ông luôn cứng F16-1250N-CA16H	đ/ống								23,700

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Ống luồn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn			Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam				190,880
		Ống luồn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn								265,100
4		Sản phẩm của Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông									
		Đèn LED năng lượng mặt trời- Chiếu pha-Chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu pha NLMT 200W (Model: CP03.SL.RAD 200W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 20W, Quang thông đèn 1600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 18 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin	Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.Địa chỉ: 12A Văn Đồn,phường Phước Hòa.Tp Nha Trang.Tỉnh Khánh Hòa.Điện thoại:02 583 87 44 88. Người liên hệ: 090 7613 421.Công văn số 01/24/BGLS-LĐ ngày 02/01/2024 về Bảo giá VLXD trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Mức giá thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.Gia bán áp dụng trên toàn quốc.	1,860,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 300W (Model: CP03.SL.RAD 300W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 2400Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ								2,550,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 50W CLC (Model: CP02.SL.RF 50W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 40W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 20 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								2,560,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 70W CLC (Model: CP02.SL.RF 70W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 50W, Quang thông đèn 2000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								3,700,000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 90W CLC (Model: CP02.SL.RF 90W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 55W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 35 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								4,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu pha NLMT 150W CLC (Model: CP02.SL.RF 150W) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ			Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		7,000,000
		Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CSD01.SL.RF 30W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3200Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 50 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			Không có thông tin		4,750,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 50W (Model: CSD01.SL.RF 50W V2) tấm solar Poly Crystalline rời công suất 95W, Quang thông đèn 4600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								6,600,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 70W (Model: CSD02.SL 70W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/100W, Quang thông đèn 8000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/43 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								18,740,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 100W (Model: CSD02.SL 100W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/130W, Quang thông đèn 10.500Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								23,020,000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 120W (Model: CSD02.SL 120W) tấm solar Mono Crystalline rời 18V/170W, Quang thông đèn 12.000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFePO4 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ								26,170,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08, IP66)		QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam		Không có thông tin		
		Đèn LED c/sáng đường 100W (Model: CSD05 100W.LED 3M) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,058,700
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 120W.LED) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,399,000
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 150W.LED) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,744,000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm, 5 cấp Dimming, IK08, IP66, có đầu kết nối thông minh)									
		Đèn LED chiếu sáng đường 80W (Model: CSD08 80W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD08 100W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,000,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD08 120W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,200,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								7,500,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								9,000,000
		Đèn LED HIGH BAY (Nhà xưởng Nhà thi đấu)									
		Đèn LED HIGH BAY 50W (Model: HR02L 35W/50W) Ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,342,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED HIGH BAY 70W(Model: HB02L 350/70W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		1,406,000
		Đèn LED HIGH BAY 100W(Model: HB02L 430/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,252,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,582,000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2,746,000
		Đèn LED HIGH BAY 200W(Model: HB02L 500/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3,328,000
		LED HIGHT BAY UFO (NHÀ XƯỞNG-KHO LẠNH...)									
		Đèn LED HIGHBAY 100W (Model: HB03 290/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1,712,000
		Đèn LED HIGHBAY 120W (Model: HB03 350/120W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,562,000
		Đèn LED HIGHBAY 150W (Model: HB03 350/150W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2,604,000
		Đèn LED HIGHBAY 200W (Model: HB03 390/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3,310,000
		ĐÈN LED Chiếu pha góc chiếu 60/90 độ (TP66,JK08) (Chiếu sáng mặt ngoài, cây cảnh, sân bóng đá mini, sân Tennis...)									
		Đèn LED chiếu pha 100W (Model:CP07 100W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ								3,600,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED chiếu pha 150W (Model:CP07 150W), Ánh sáng 4000/5000K.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông			không có thông tin		4,600,000
		Đèn LED chiếu pha 200W (Model: CP07 200W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								6,000,000
		Đèn LED chiếu pha 250W (Model: CP07 250W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								8,000,000
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam									
		Đèn LED chiếu sáng đường phố									
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 30W đến 39W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 - 1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bán thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bán thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%, Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, bộ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm của nhà sản xuất được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32-1-VSL ngày 02/11/2024.	6,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 40W đến 49W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								6,875,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 50W đến 59W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W	Bộ								7,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 60W đến 69W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								8,250,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 70W đến 79W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-L:2014 và TCVN 7722 - 2 - 3: 2019/ IEC 60598- 2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, từ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024.	9,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 80W đến 89W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								10,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 90W đến 99W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W	Bộ								11,125,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 100W đến 109W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								11,625,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 110W đến 119W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,000,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 120W đến 129W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,325,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 130W đến 139W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								12,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 140W đến 149W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cấp nhật nâng cấp. Bảo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024.	13,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 150W đến 159W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 160W đến 169W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								13,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 170W đến 179W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								15,750,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 180W đến 189W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								16,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 190W đến 200W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								17,250,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 250W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								18,500,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 280W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722-1:2017 / IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722-2-3:2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tử điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32/CV-SL1 ngày 02/5/2024.	20,500,000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 300W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ								23,360,000
		Đèn LED SL22 (30w - 45w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								7,000,000
		Đèn LED SL22 (50w - 80w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								9,000,000
		Đèn LED SL22 (85w - 100w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								11,400,000
		Đèn LED SL22 (105w - 130w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								12,200,000
		Đèn LED SL22 (135w - 150w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,100,000
		Đèn LED SL22 (155w - 180w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0-10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ								13,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn LED SL22 (185w - 200w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ	TCVN 7722 - 1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slightung Việt Nam	Việt Nam			Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	16,200,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	Bộ								8,220,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	Bộ								9,298,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	Bộ								10,586,300
		Đèn pha LED SLI-FL9 (185-230w)	Bộ								15,250,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (235w- 280w)	Bộ								17,950,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (285w-360w)	Bộ								18,972,500
		Đèn pha LED SLI-FL9 (365w-400w)	Bộ								27,150,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (405w-450w)	Bộ								30,500,000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (455w-520w)	Bộ								33,500,000
		Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền nhận tín hiệu điều khiển SLI412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	Bộ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT							2,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn kết bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 anten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng Internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	Tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam				90,000,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn vuren 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng								Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Điền, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 3 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 32/CV- SLI ngày 02/5/2024.	
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=6m tôn dày 3mm	Cột								5,220,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=7m tôn dày 3mm	Cột								5,920,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=8m tôn dày 3mm	Cột								6,310,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	Cột								8,600,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=10m tôn dày 4mm	Cột								9,400,000
		Trụ bát giác, tròn côn liềm cân đơn, H=11m tôn dày 4mm	Cột								11,700,000
		Trụ bát giác, tròn cân cầu rời D78 mạ kẽm nhúng nóng									
		Trụ bát giác, tròn cân 6m D78-3mm	Cột								5,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Trụ bát giác, tròn cột 7m D78-3mm	Cột	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, bộ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32/CV-SL ngày 02/5/2024.	6,250,000
		Trụ bát giác, tròn cột 8m D78-3mm	Cột								6,810,000
		Trụ bát giác, tròn cột 9m D78- 4mm	Cột								8,820,000
		Trụ bát giác, tròn cột 10m D78-4mm	Cột								9,830,000
		Trụ bát giác, tròn cột 11m D78-4mm	Cột								12,830,000
		Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1.5m dây 3mm	Cần								1,890,000
		Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vươn 1.5m	Cần								1,785,000
		Cần đèn cánh bướm CD15	Cần								4,050,000
		Cần đèn CK-01 cao 2m, vươn 1.5m	Cần								2,390,000
		Cần đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vươn 1.5m	Cần								2,150,000
		Cần cánh bướm CK15	Cần								4,520,000
		Cọc tiếp địa									
		Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	Cái								1,020,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Phụ kiện cột thép									
		KM cột M16x340x340x500	Bộ	TCVN ISO 9001:2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam		Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		670,000
		KM cột M16x260x260x500	Bộ								650,000
		KM cột M16x340x240x500	Bộ								630,000
		KM cột M24x300x300x675	Bộ								930,000
		KM cột M24x300x300x750	Bộ								970,000
6		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái									
		1. Cáp đồng đơn bọc cách điện PVC - CV (0,6/1kV)									
		Dây điện VCmđ 2x0.5mm ² 0.6/1kV	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam		Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	4,100
		Dây điện VCmđ 2x0.75mm ² 0.6/1kV	mét								5,780
		Dây điện VCmđ 2x1mm ² 0.6/1kV	mét								7,420
		Dây điện VCmđ 2x1.5mm ² 0.6/1kV	mét								10,560
		Dây điện VCmđ 2x2.5mm ² 0.6/1kV	mét								17,130
		Dây điện VCmo 2x0.75mm ² 300/500V	mét								6,800
		Dây điện VCmo 2x1mm ² 300/500V	mét								8,510
		Dây điện VCmo 2x1.5mm ² 300/500V	mét								12,000
		Dây điện VCmo 2x2.5mm ² 300/500V	mét								19,320
		Dây điện VCmo 2x4mm ² 300/500V	mét								29,210
		Dây điện VCmo 2x6mm ² 300/500V	mét								43,660
		Dây điện VCmđ 2x0.75mm ² 300/500V	mét								7,620
		Dây điện VCmđ 2x1mm ² 300/500V	mét								9,410

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá báo (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn Led đường phố P4-120W, DIM	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN TCVN 7722-1-2017 và TCVN 7722-2-3-2019		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDD, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240504LB/CV-MB ngày 04/5/2024 của Công ty thực hiện kê như báo giá tháng 4/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	5.213,000
		Đèn Led đường phố P4-150W, DIM	Cái								5.954,000
		KHUNG MÔNG CỘT									
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái	TCCS 01:2018/CSMB	KT: (240x240x500)mm						546,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x750)mm						666,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (240x240x1000)mm						786,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (260x260x500)mm						591,500
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16	Cái		KT: (340x340x500)mm						624,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x675)mm						610,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1000)mm						710,000
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24	Cái		KT: (300x300x1250)mm						850,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		CÀN ĐÈN LẬP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78									
		Cần đơn MB01-D, MB02-D, MB03-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bán bản)	1,619,800
		Cần kép MB01-K, MB02-K, MB03-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K	Cái								2,233,000
		Cần đơn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D	Cái								1,345,400
		Cần kép MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K	Cái								1,876,000
		CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIÊN CÀN ĐƠN									
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 6m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							2,310,000
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 7m, bích 300x300	Cái								2,730,000
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 8m, bích 300x300	Cái								3,500,000
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 9m, bích 300x300	Cái								4,055,800
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 10m, bích 400x400	Cái								4,566,800
		Cột bát giác, tròn cốt, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt liên cần cao 11m, bích 400x400	Cái								4,659,200
		THÂN CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - D78									
		Cột bát giác, tròn cốt - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn cốt thân cột cao 4m, bích 300x300	Cái								2,170,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu già QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240504Đ/CV-MB ngày 04/5/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 4/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	2,380,000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	Cái								3,175,200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái								4,264,400
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái								4,960,200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái								6,427,400
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400	Cái								6,514,200
		CỘT GIÀN ĐÈN NÂNG HẠ (Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16)									
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							136,360,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái								153,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái								167,160,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái								187,600,000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lọng dây 4mm mạ kẽm, nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							221,200,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		CỘT ĐÈN PHA SÂN GOLF									
		Cột đèn góc, tròn cốt thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đèn góc, bát góc, tròn cốt cao 14m, bát 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam			Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện ben ben)	23,100,000
		Cột đèn góc, tròn cốt thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đèn góc, bát góc, tròn cốt cao 15m, bát 2-8 đèn pha	Cái								25,928,000
		Cột đèn góc, tròn cốt thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đèn góc, bát góc, tròn cốt cao 16m, bát 2-8 đèn pha	Cái								32,942,000
		Cột đèn góc, tròn cốt thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đèn góc, bát góc, tròn cốt cao 17m, bát 2-8 đèn pha	Cái								34,329,400
		Nắp hố ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang									
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015							4,000,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	Cái								6,500,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 25 tấn	Cái								4,100,000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 tải trọng 40 tấn	Cái								4,900,000
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái								3,360,000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 12.5 tấn	Cái								4,200,000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 25 tấn	Cái								6,460,000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 40 tấn	Cái								7,960,000
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 12.5 tấn	Cái								5,400,000
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 25 tấn	Cái								7,500,000
						Công ty TNHH Thiết bị				Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Nắp hồ ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 129-5:2015		điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bến bãi)		8,500,000
8		Sản phẩm của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt									
		Đèn đường Led chiếu sáng công cộng các loại									
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 30-35W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	- Độ kín cụm quang học IP66,	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau. - Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo SL - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt. Địa chỉ: 154/8/6 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh. Địa chỉ kho xưởng: 26/2 Chánh Hưng, ấp 4, xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh, điện thoại: 0918 99 44 10-0944 99 44 10. Kèm theo Bảng bảo giá Tháng 01/2024 của Công ty, Bảng bảo giá có thời hạn 12 tháng.	4,150,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 36-40W	Bộ		- Độ kín cụm linh kiện IP66						5,250,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 41-50W	Bộ		- Độ va đập IK08-IK09.- Hệ công suất 0,98						6,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 51-60W	Bộ		- Nhiệt độ bề mặt vỏ đèn 53 độ C						7,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 61-75W	Bộ		- Bộ đèn chịu được xung áp 20Kv						8,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 76-90W	Bộ		- Hiệu suất phát quang 140lm/W						9,250,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 91-100W	Bộ		- Chỉ số hoàn màu Ra>71						9,650,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 101-115W	Bộ		- Nhiệt độ màu (3000k-400k), Hệ số duy trì quang thông >0,7						10,250,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 116-120W	Bộ		- Bộ đèn lắp công chờ NEMA, sorting cấp kết nối thông minh						10,850,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 125-130W	Bộ		- Dimming 5 cấp công suất. Có công DALI hoặc 1-10V						11,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 131-135W	Bộ		- BH 5 năm trọn bộ đèn. Chip Led xuất xứ Nhật Bản						11,950,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 136-150W	Bộ								12,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 151-160W	Bộ					- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau.			12,950,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 165-165W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007		Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo SI, cụ thể - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		13,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 165-765W	Bộ								14,450,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 176-185W	Bộ								16,850,000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 186-200W	Bộ								17,850,000
		Đèn pha Led chiếu sáng công cộng các loại									
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt (công suất 50W)	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	- Độ va đập IK08- IK09. - Hiệu suất phát quang 140Lm/W	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau. - Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng: tùy theo SI, cụ thể - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng			4,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ		- Độ kín IP66, Dimming 5 cấp công suất						7,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 150W	Bộ		- Hiệu suất phát quang 140Lm/W						10,950,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 200W	Bộ		- Chỉ số hoàn màu Ra>71						14,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 220W	Bộ		- Nhiệt độ màu (3000k-6500k), Hệ số công suất >0,98						12,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 250W	Bộ		- Bảo 5 năm trọn bộ đèn.ChípLed xuất xứ Nhật Bản						14,550,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 300W	Bộ								16,850,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 350W	Bộ								18,450,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 400W	Bộ								20,450,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 450W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007							26,550,000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 500W	Bộ								32,550,000
		Đèn Led năng lượng mặt trời									
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 30W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	Thân đèn tích hợp tấm sola - Pin Lithium -Bộ điều khiển 4 cấp công suất - Thời gian hoạt động 10h/ ngày - Pin dự trữ 1 ngày không nắng	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau. -Bảo giá trên thời hạn 12 tháng - Thời gian giao hàng:tùy theo SL cụ thể - Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		9,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 60W	Bộ								13,450,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 80W	Bộ								17,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ								19,850,000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 120W	Bộ								23,450,000
9		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh									
		Quạt thông gió GEB15B2	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh	Việt Nam		Đem giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh. Địa chỉ: Số 4/182 ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy- Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội. Điện thoại: 0916 991 083. Kèm theo công văn số 0612/CV-DL ngày 06/12/2023 của Công ty Thiết bị Điện Duy Linh đến khi có thông báo mới.	400,000
		Tủ điện nhựa mặt phẳng SPL2/4	Cái								168,000
		Aptomat 1 cực 10A	Cái								84,000
		Mặt 1 lỗ Luxyry trắng - GK801	Cái								61,000
		Ô đơn 3 châu 16A (màu trắng) KTZB/1-98	Cái								35,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
10		Sản phẩm của Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1									
		Đèn Led đường phố SH-633									
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 605 x 295 x 150	Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam				8,200,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (100w-109w)	Bộ		KT 605 x 295 x 150						10,000,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (120w-129w)	Bộ		KT 605 x 295 x 150						10,900,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (150w-159w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180						12,550,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (180w-189w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180						13,900,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (220w-229w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180						15,700,000
		Đèn Led đường phố SH-139									
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhận tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 622 x 320 x 119	Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam				8,600,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (100w-109w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119						10,400,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (120w-129w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119						11,300,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (150w-159w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119						12,950,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (180w-189w)	Bộ		KT 720 x 320 x 119						14,300,000

Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%

Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị số 1.
Địa chỉ nhà máy sản xuất: 109/42 An Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, Tp HCM. Phụ trách công bố giá: Nguyễn Dương Minh Huyền, điện thoại: 0902 320 722

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (220w-229w)	Bộ		KT 720 x 320 x 119				Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị số 1, Địa chỉ nhà máy sản xuất: 109/42 An Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, Tp HCM . Phụ trách công bố giá: Nguyễn Dương Minh Huyền, điện thoại: 0902 320722	16,130,000
		Đèn Led đường phố SH-133									
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhãn tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 422 x 318 x 136	Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam				7,400,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (100w-109w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136						9,700,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (120w-129w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136						10,600,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (150w-159w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136						12,250,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (180w-189w)	Bộ		KT 853 x 318 x 136						13,600,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (220w-229w)	Bộ		KT 853 x 318 x 136						15,400,000
		Đèn Led đường phố SH-688									
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhãn tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 688 x 350 x 117	Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam				8,600,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (100w-109w)	Bộ		KT 688 x 350 x 117						10,400,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (120w-129w)	Bộ		KT 688 x 350 x 117						11,300,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (150w-159w)	Bộ	Đèn đạt nhãn tiết kiệm năng lượng:	KT 688 x 350 x 117						12,950,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (180w-189w)	Bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 688 x 350 x 117	Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam				12.300,000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (220w-229w)	Bộ		KT 688 x 350 x 118						16.100,000
		Hệ thống điều khiển chiếu sáng đô thị thông minh									
		Thiết bị điều khiển từ thông minh Z-Master	Bộ	Đèn đạt nhãn tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011						Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10% *Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị số 1, Địa chỉ nhà máy sản xuất: 109/42 An Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, Tp HCM. Phụ trách công bố giá: Nguyễn Dương Minh Huyền, điện thoại: 0902 320722	25.000,000
		Bộ điều khiển đèn thông minh Z-Inlamp	Bộ								3.000,000
		Đèn Led thông minh SH-633 (80w)	Bộ								9.600,000
		Đèn Led thông minh SH-633 (100w)	Bộ								10.750,000
		Đèn Led thông minh SH-633 (120w)	Bộ								11.650,000
		Đèn Led thông minh SH-633 (150w)	Bộ								12.850,000
VI	VẬT LIỆU CỬA										
1		Sản phẩm của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp									

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				
		-Vách kính, cửa đi, cửa sổ hệ Việt Pháp 4400									
		Vách kính hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6.38 mm trắng trong, độ dày khung bao 1.3mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1,600,000
		Cửa đi 1 cánh hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2								1,900,000
		Cửa sổ mở quay, mở hất hệ Việt Pháp 4400 , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2								1,800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bản lề, Tay gạt)	Bộ								460,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bản lề, Tay cài)	Bộ								360,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 2 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bản lề, Tay cài)	Bộ								700,000
		- Cửa đi hệ Việt Pháp 450									
		Cửa đi hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6.38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3÷1.8mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				2,060,000
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay 1 cánh hệ Việt Pháp 450 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 1 cánh (gồm: Khóa, Bản lề, Tay gạt)	Bộ								920,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	1,150,000
		-Cửa sổ, cửa đi hệ Việt Pháp 2600									
		Cửa đi lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3+1.4 mm.	M2								1,830,000
		Cửa sổ lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3+1.4 mm.	M2								1,850,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								250,000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ								400,000
		-Vách kính mặt dựng hệ Việt Pháp 1100									
		Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong, khung nhôm 2mm.	M2								2,350,000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất. Phụ kiện đồng bộ tính riêng theo từng loại cửa tương ứng.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 55									
		Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm.	M2								1,660,000
		Cửa đi hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 2.0mm	M2								2,300,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: 3 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ								1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: 6 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ								2,100,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 4 cánh (gồm: 12 bản lề, tay nắm, chốt cửa và khóa đa điểm).	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	*Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Tứ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	5,000,000
		Cửa sổ mở quay, mở hắt, mở trượt lùa hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1,4mm	M2								1,950,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hắt, mở quay 1 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đơn điểm, thanh cài).	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hắt, mở quay 2 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ								730,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hắt, mở quay 4 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ								1,350,000
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 93		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. Nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Cửa sổ lùa Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2								2,000,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ								1,900,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa đi lùa hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD						*Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	2,000,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ								1,900,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lùa 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ								1,900,000
		Vách kính mặt dựng thông tầng hệ Xingfa 65 (Bao gồm cả phụ kiện cửa sổ nếu có).									
		Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong. Độ dày thanh nhôm chịu lực: 2,5mm	M2			Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				2,800,000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vát cạnh - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm							Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Cửa đi hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0 mm)	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				1,950,000
		Cửa sổ mở hất, mở quay hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1,900,000
		Cửa sổ, cửa đi mở lùa hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1,850,000
		Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	M2								1,680,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								390,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								730,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Tứ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/ 01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	800,000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								1,300,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ								400,000
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 4 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ								700,000
		Cửa thủy lực khung nhôm - Thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp sản xuất, Độ dày thanh nhôm dày từ 1.6 ÷ 2.2mm, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		V26: Cầm nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	M2								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa 1 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa).	Bộ								4,500,000
		Bộ phụ kiện cửa 2 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa)	Bộ								8,000,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp, Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1: Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	
		V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6.38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6+2.5 mm.	M2								2,200,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 2 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								2,900,000
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 4 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ								4,500,000
		Cửa cuốn nan nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp (Đơn giá chưa bao gồm Motor, Lưu điện)		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Cửa cuốn: F48	M2								2,130,000
		Cửa cuốn: F48E	M2								1,980,000
		Cửa cuốn: F45J	M2								2,300,000
		Cửa cuốn: F46	M2								2,485,000
		Cửa cuốn: F46I	M2								2,880,000
		Cửa cuốn: F49-2	M2								2,670,000
		Cửa cuốn: F49-3	M2								2,940,000

S/TT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		Mô tơ và lưu điện đóng cho cửa cuốn thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI của Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Mô tơ (tải trọng 100 kg)	M2								4,885,000
		Mô tơ (tải trọng 500 kg)	M2								5,545,000
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2								8,515,000
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2								9,285,000
		Mô tơ (tải trọng 1000 kg)	M2								3,675,000
		Bộ lưu điện (900W)	M2								4,775,000
		Bộ lưu điện (1500W)	M2								
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung									
		HỆ NS-55: Cửa di mô/luân 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm NamSung, Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô NT-3, Đường số 2, KCN Hòa Sơn (GĐ 7-1), Ấp Bình Tiến 2, xã Hòa Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Mã số công việc số 0322-2024/NS-CBG ngày 22.03.2024 và việc đề nghị ban giám đốc phê duyệt công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	2,815,000
		HỆ NS-55: Cửa di mô/luân 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa di mô/luân 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,230,000
		HỆ NS-55: Cửa di mô/luân 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long - CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,815,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở/đóng 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2			Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		2,570,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở/đóng 1 cánh & 2 cánh (kèm ổ cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,150,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,700,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhóm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiến 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	 2,470,000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								2,180,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,900,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,800,000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								1,800,000

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
		SONG ĐẢO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,5 mm.	đồng/m ²	QCVN 16:2019		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhóm NamSung, Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-1, đường số 2, KCN Hai Sơn (GD 3+4), ấp Hình Tiến 2, xã Đức Hòa II, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/3/2024 về việc đề nghị hủy giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1,500,000
		HỆ NS-93: Cửa đ/sô lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm.	đồng/m ²								2,750,000
		HỆ NS-93: Cửa đ/sô lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1,4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm.	đồng/m ²								2,300,000
		HỆ NS-93: Cửa đ/sô lùa 6 cánh - khung bao 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm.	đồng/m ²								2,900,000
		HỆ NS-XL60: Cửa xếp lùa 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm.	đồng/m ²								3,000,000
		HỆ MẶT DỪNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít dày đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm.	đồng/m ²								3,350,000